

# RCEP

HIỆP ĐỊNH ĐỐI  
TÁC TOÀN DIỆN  
KHU VỰC -

Hiệp định quy mô  
lớn nhất thế giới



TS. Nguyễn Thị Phương Chi  
ĐH Ngoại thương

# Nội dung

1. Tổng quan về RCEP
2. Các cam kết trong RCEP
3. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam
4. Khuyến nghị cho doanh nghiệp





# 1. Tổng quan về RCEP

---

1.1 Quá trình đàm phán và ký kết

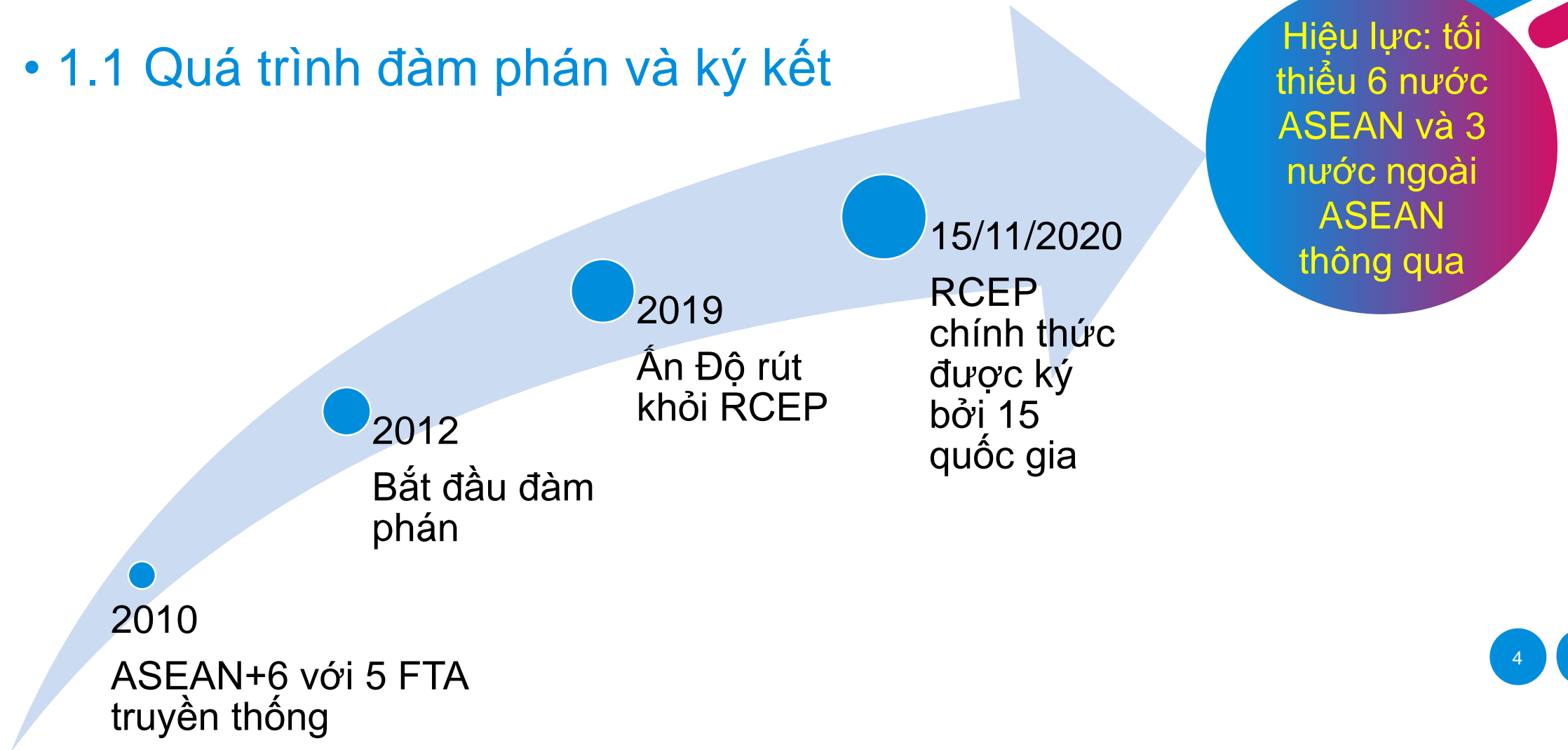
1.2 Đặc điểm của RCEP

1.3 Cấu trúc của RCEP

1.4 Vai trò của RCEP

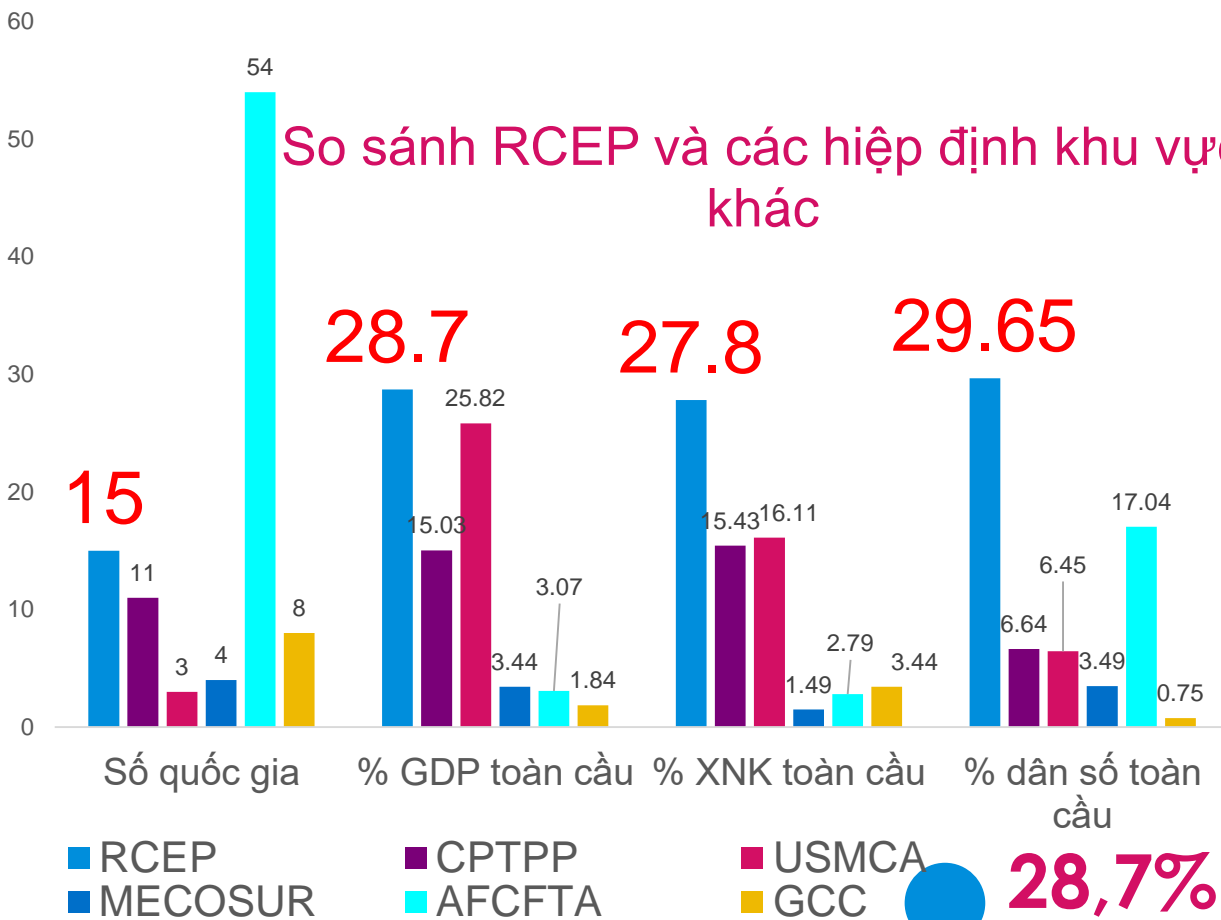
# 1. Tổng quan về RCEP

## • 1.1 Quá trình đàm phán và ký kết



# 1. Tổng quan về RCEP

So sánh RCEP và các hiệp định khu vực khác



## 1.2 Đặc điểm của RCEP

Là một trong 3 hiệp định thương mại khu vực lớn nhất toàn cầu

● **28,7% GDP toàn cầu**  
26.200 tỉ USD

● **30% dân số thế giới**  
2,2 tỉ người

● **Khu vực thương mại thứ 2 toàn cầu**  
Sau EU

● **27,8% XNK toàn cầu**  
10.450 tỉ USD

Nguồn: Ủy ban chính sách đối ngoại EU (2021)

# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.2 Đặc điểm của RCEP

- Tính không đồng nhất của các nền kinh tế thành viên: quy mô, trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế, nguồn lực

Country	GDP	Total trade	PTAs	BITs	PTA with EU	CPTPP member	Income level
Australia	1450.50	492.57	22	15	no	yes	High Income
Brunei	14.01	12.14	11	6	no	yes	High Income
Cambodia	20.92	35.42	6	16	no	no	Lower Middle Income
China	11537.48	4577.84	18	107	no	no	Upper Middle Income
Indonesia	1204.48	338.96	15	25	no	no	Lower Middle Income
Japan	6210.70	1426.52	18	29	yes	yes	High Income
Laos	13.20	12.02	10	21	no	no	Lower Middle Income
Malaysia	398.95	443.19	19	54	no	yes	Upper Middle Income
Myanmar	86.93	36.72	6	8	no	no	Lower Middle Income
New Zealand	191.73	81.88	17	2	no	yes	High Income
Philippines	360.86	183.84	12	32	no	no	Lower Middle Income
Singapore	335.54	750.03	27	38	yes	yes	High Income
Vietnam	200.86	518.18	15	48	no	yes	Lower Middle Income
South Korea	1482.76	1045.58	21	89	yes	no	High Income
Thailand	452.67	482.53	15	36	no	no	Upper Middle Income

XK/GDP  
<20%

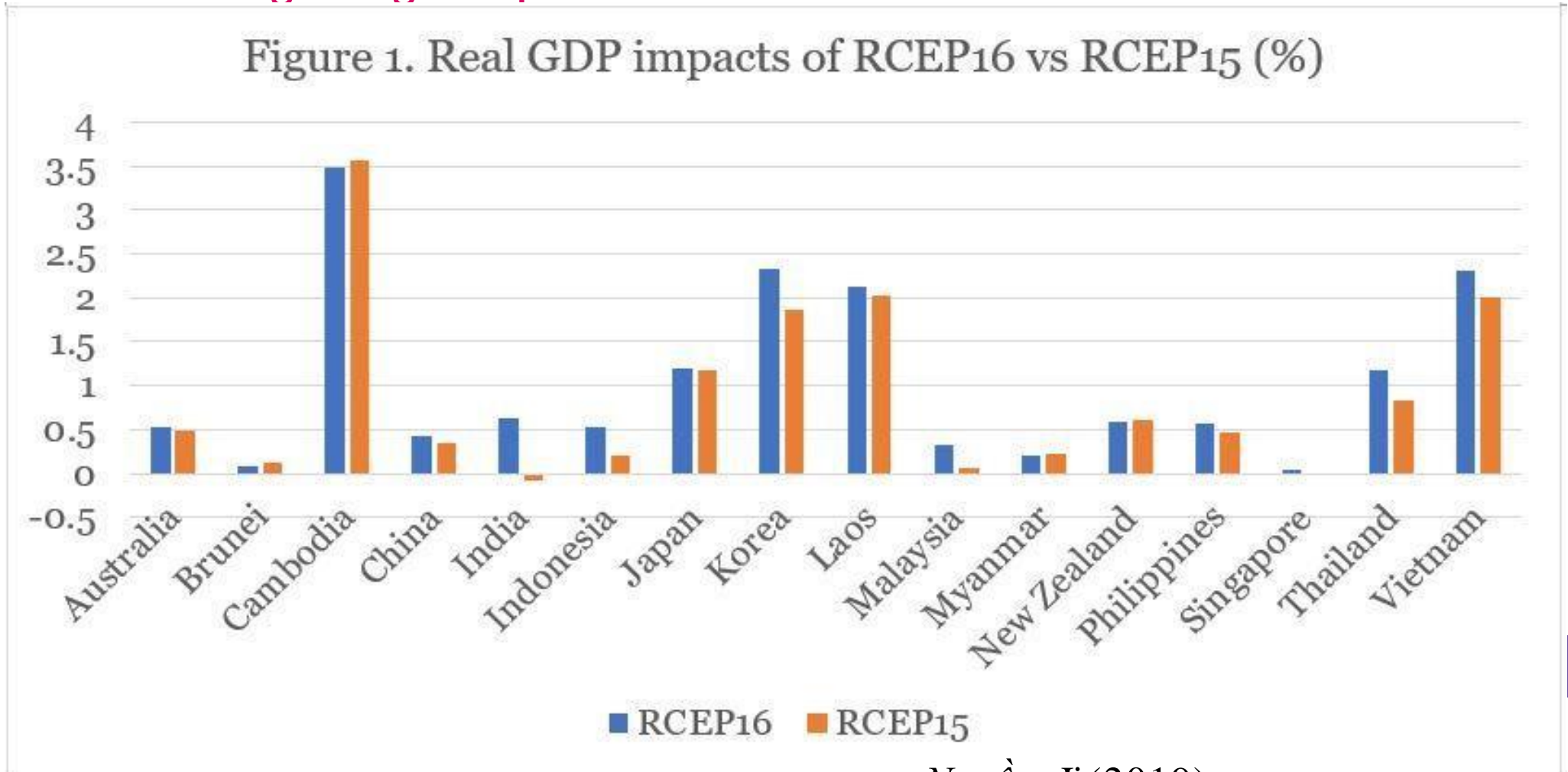
XK/GDP  
>100%

Nguồn: Ủy ban chính sách đối ngoại EU (2021)

# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.2 Đặc điểm của RCEP

- Gia tăng đáng kể lợi ích cho các nước thành viên



Nguồn: Ji (2019)



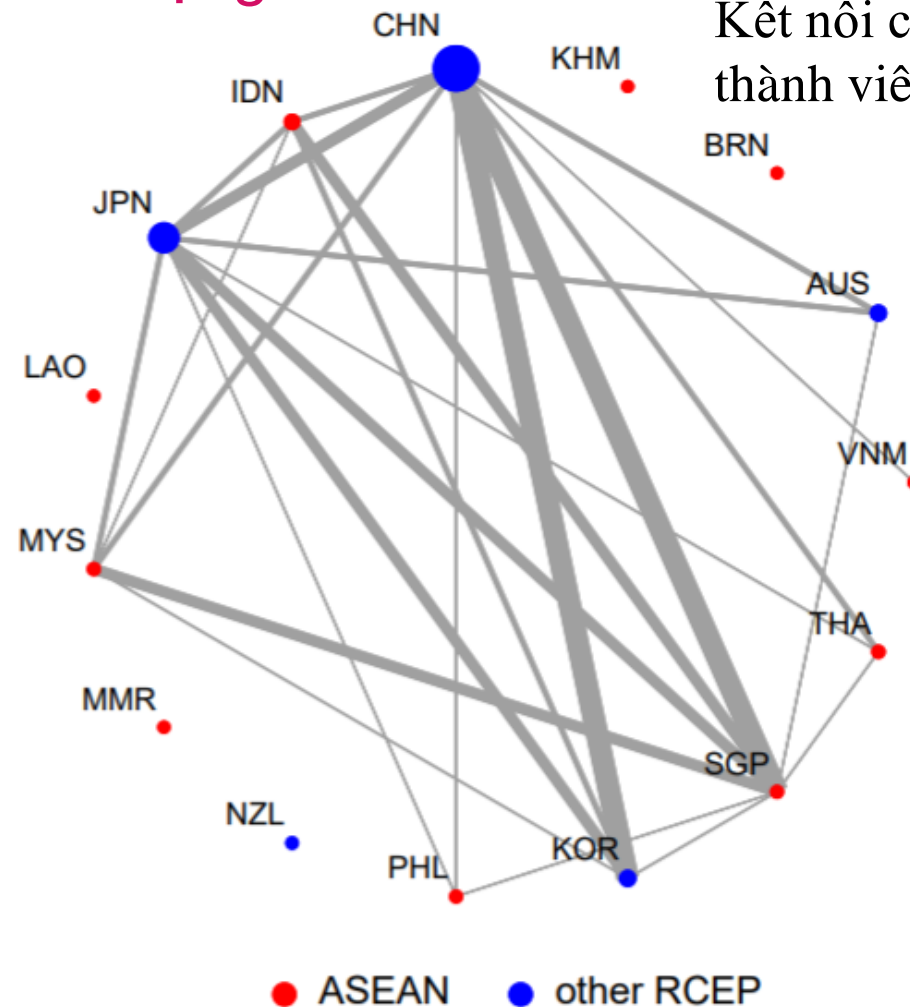
# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.2 Đặc điểm của RCEP

➤ Thương mại nội khối là trọng tâm của RCEP

1/3 hàng hóa xuất khẩu từ một nước RCEP được nhập khẩu bởi 1 nước thành viên khác của RCEP

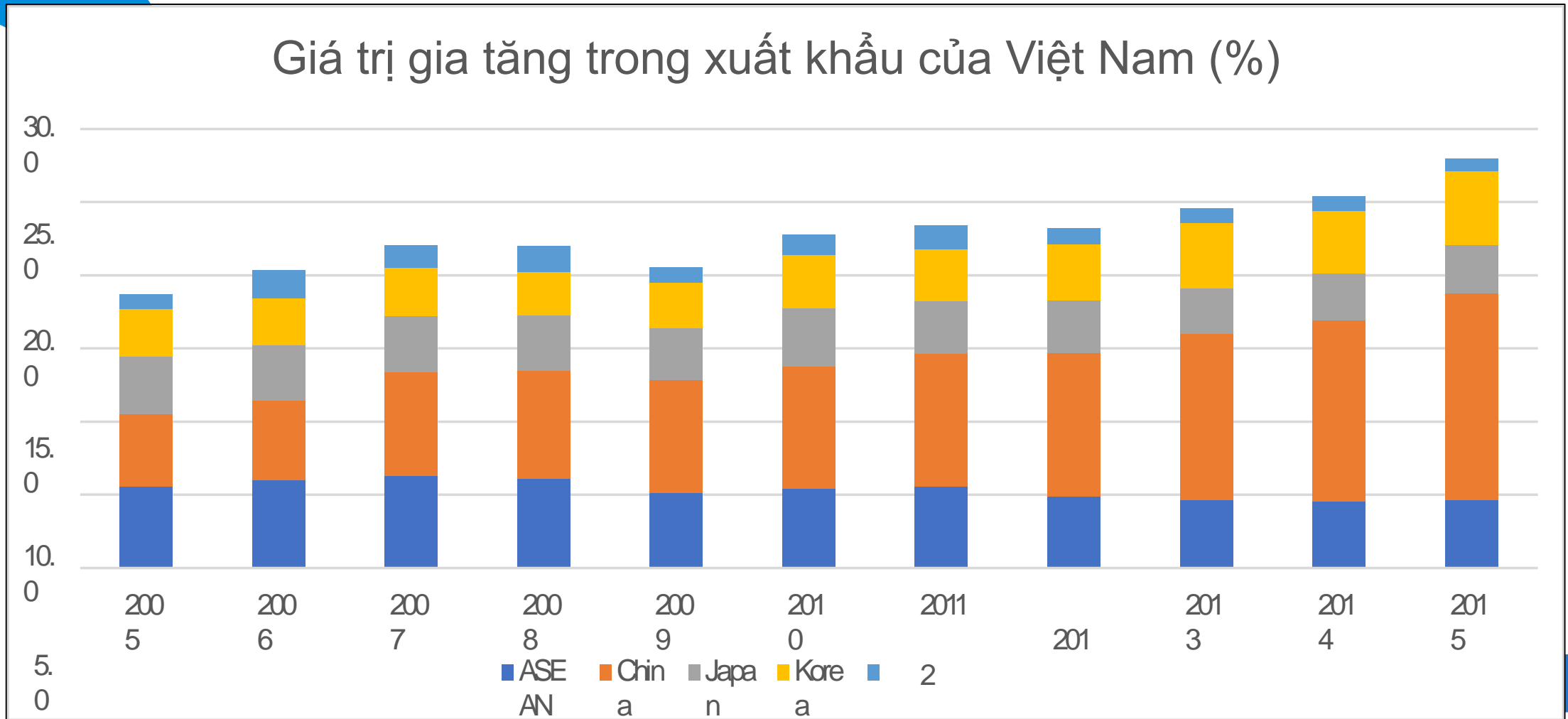
Chuỗi giá trị nội khối trị giá 1.500 tỉ USD (2017)



Kết nối chuỗi giá trị của các nước thành viên RCEP (2018)



# Giá trị gia tăng từ nước ngoài trong xuất khẩu: chủ yếu từ nội khối RCEP, trong đó lớn nhất là Trung Quốc



Australia New  
Zealand

Nguồn: OECD-TiVA.

# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.2 Đặc điểm của RCEP

➤ Khó tạo dựng lợi thế cạnh tranh mới từ RCEP:

Mức độ hỗ trợ thương mại của Việt Nam với RCEP: chậm cải thiện trong 2010-2018

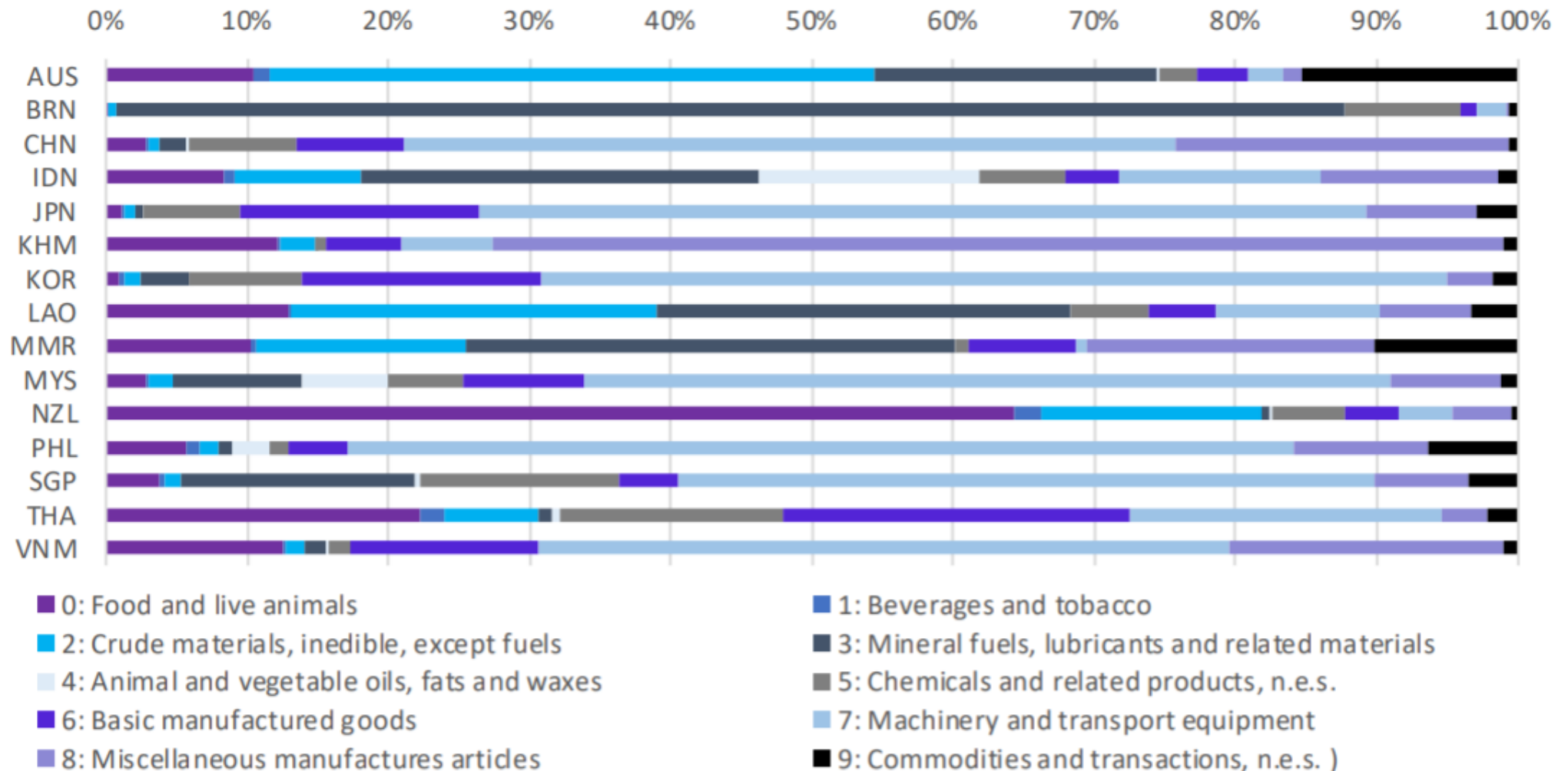
	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
ASEAN	34.7	34.2	35.0	36.7	39.7	42.3	45.2	51.4	47.6	48.5	53.4	57.0	55.0	54.3	54.7	53.9	52.3	51.9
RCEP	43.9	41.2	41.3	42.6	44.6	47.6	49.7	53.1	50.0	50.1	53.9	54.3	53.4	52.4	53.1	52.5	51.7	50.9
CPTPP	42.2	40.3	41.7	42.9	44.9	47.0	50.1	55.0	52.6	52.0	56.3	55.7	54.7	53.7	52.8	52.0	51.5	51.3
EU27	41.0	39.5	39.8	40.5	43.0	45.2	46.8	52.9	52.4	54.1	54.6	52.7	51.2	51.0	49.4	48.1	47.7	47.1
Mỹ	41.6	41.2	44.0	46.0	48.7	50.5	53.4	55.9	54.5	54.2	57.0	55.1	54.2	53.9	52.8	51.5	51.5	51.1
Trung Quốc	29.3	27.2	27.8	30.2	31.3	34.7	36.3	42.1	40.4	43.5	47.4	52.9	54.0	52.4	54.2	52.9	52.0	51.4
Nhật Bản	56.1	54.4	55.2	56.5	58.9	58.0	55.9	55.7	55.4	53.7	55.0	53.3	52.7	52.2	53.1	52.8	51.9	50.7
Hàn Quốc	47.9	45.6	45.0	47.2	50.0	50.2	49.2	50.6	46.0	46.3	50.3	49.6	49.4	49.3	51.2	51.0	49.5	47.2

Nguồn: Tính toán của CIEM.

# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.2 Đặc điểm của RCEP

➤ Khó tạo dựng lợi thế cạnh tranh mới từ RCEP



## 1.2 Đặc điểm của RCEP: cam kết khiêm tốn hơn các FTA thế hệ mới khác của VN

RCEP	CPTPP
<b>Những đặc điểm chung</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>– Cam kết tự do hóa sâu rộng hơn về thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư;</li><li>– Cam kết mở cửa sau đường biên giới;</li><li>– Điều ghi nhận yêu cầu thúc đẩy hợp tác phát triển, nâng cao năng lực;</li><li>– Điều khởi đầu là những hiệp định có quy mô thị trường rất lớn;</li><li>– Điều được coi là những bước đi trung gian tiến tới Khu vực thương mại tự do khu vực châu Á– Thái Bình Dương (FTAAP);</li><li>– Điều có thành viên tham gia đàm phán từ ban đầu nhưng sau đó rút khỏi hiệp định.</li></ul>	
Bắt đầu năm 2013 và ký kết vào tháng 11/2020	Bắt đầu 2010; kết thúc đàm phán vào tháng 10/2015; ký kết TPP vào tháng 2/2016; ký kết CPTPP vào tháng 3/2018 và thực thi vào tháng 11/2018 (Việt Nam thực thi từ 14/01/2019).
ASEAN là động lực/hạt nhân dẫn dắt	Mỹ dẫn dắt đàm phán TPP; nhưng khi Mỹ rút khỏi TPP thì Nhật Bản giữ vai trò quan trọng nhất trong việc vực dậy và thúc đẩy phê chuẩn CPTPP.
Mục đích là hình thành các Hiệp định sâu rộng hơn các ASEAN+1 FTA và hỗ trợ hợp tác để phát triển công bằng hơn	Mục đích là thiết lập FTAcủa thế kỷ 21 nhằm giải quyết những vấn đề mới (tiêu chuẩn lao động và môi trường, cạnh tranh, DNNN, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, v.v.)
Hiệp định “trộn gói”, nhưng vẫn giữ cách tiếp cận tiệm tiến sau khi có hiệu lực.	Hiệp định “trộn gói”

# 1. Tổng quan về RCEP



## 1.3 Cấu trúc của Hiệp định RCEP

### Nội dung

- 20 chương
- 4 phụ lục

### Phạm vi

- Thương mại hàng hóa
- Thương mại dịch vụ
- Thương mại đầu tư
- Sở hữu trí tuệ
- Di chuyển thể nhân
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Thương mại điện tử
- Mua sắm chính phủ
- ....

# Nội dung của RCEP vs CPTPP, EVFTA

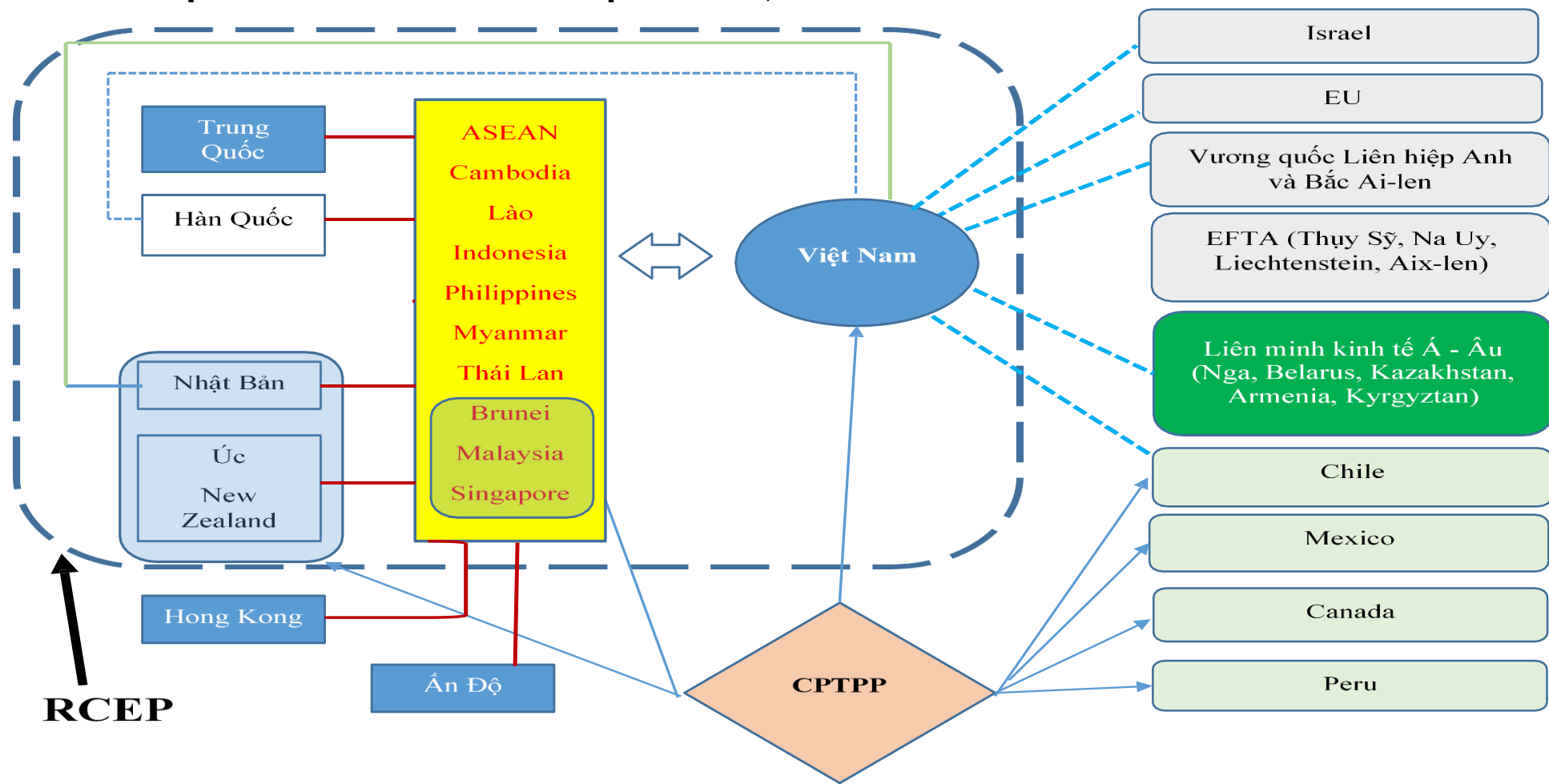
	RCEP	EVFTA	CPTPP	AFTA	ACFTA	AKFTA	AJCEP	AIFTA	AANZFTA	AHKFTA
Xóa bỏ thuế quan	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Quy tắc xuất xứ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dệt may	x	x	x						x	
Hải quan và tạo thuận lợi thương mại	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phòng vệ thương mại	x	x	x		x	x	x	x	x	
SPS	x	x	x	x			x		x	x
TBT	x	x	x	x					x	x
Dịch vụ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dịch vụ tài chính	x	x	x	x		x			x	
Đầu tư	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>Cơ chế ISDS</b>			x	x	x	x		x	x	
Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh	x	x	x	x					x	
Viễn thông	x	x	x						x	
Thương mại điện tử	x	x	x						x	
Mua sắm công	x	x	x							
Chính sách cạnh tranh	x	x	x						x	
<b>Doanh nghiệp nhà nước</b>		x	x							
Sở hữu trí tuệ	x	x	x						x	
<b>Lao động</b>		x	x							
<b>Môi trường</b>		x	x							
Doanh nghiệp nhỏ và vừa	x									
Hợp tác và nâng cao năng lực	x	x	x	x	x	3/2	3/2021	x	x	x
Giải quyết tranh chấp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Nguồn: Trần Thị Hồng Minh và cộng sự (2021)

# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.4 Vai trò của RCEP đối với nền kinh tế Việt Nam

➤ FTA thế hệ mới thứ 3 của Việt Nam, sau CPTPP và EVFTA

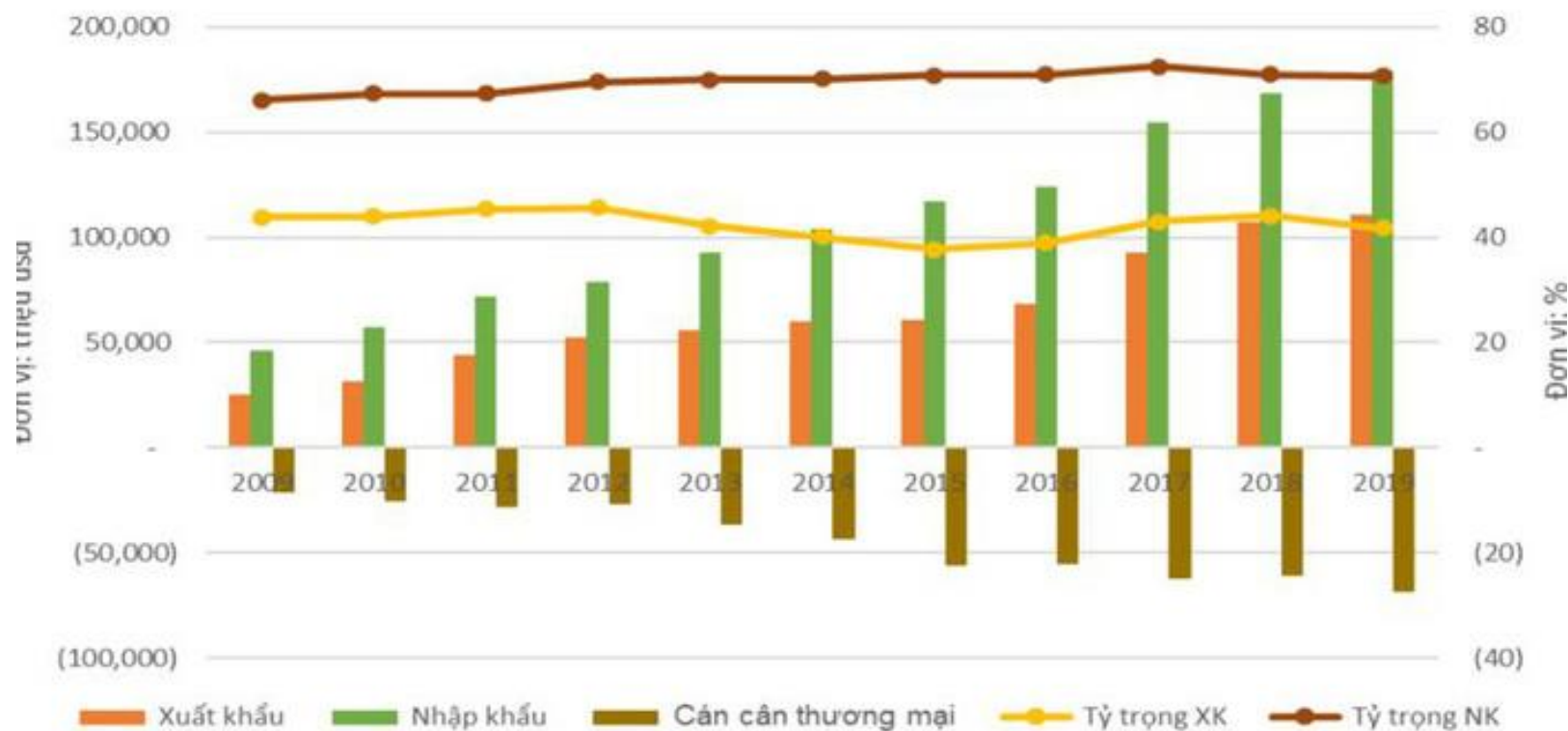




# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.4 Vai trò của RCEP đối với nền kinh tế Việt Nam

➤ Việt Nam nhập siêu từ các nước RCEP:

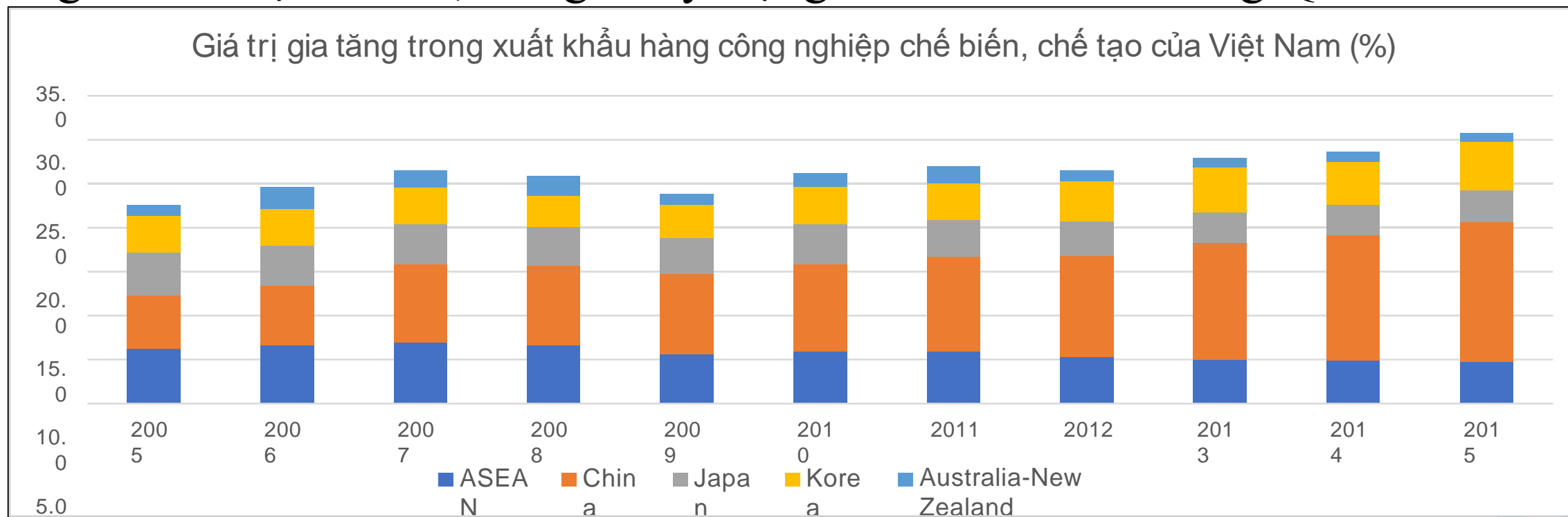


Nguồn: Trần Thị Hồng Minh và cộng sự (2021)

# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.4 Vai trò của RCEP đối với nền kinh tế Việt Nam

Xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến, chế tạo dựa nhiều hơn vào giá trị gia tăng từ khu vực RCEP, trong đó tỷ trọng lớn nhất là từ Trung Quốc



Nguồn: OECD-TIVA.

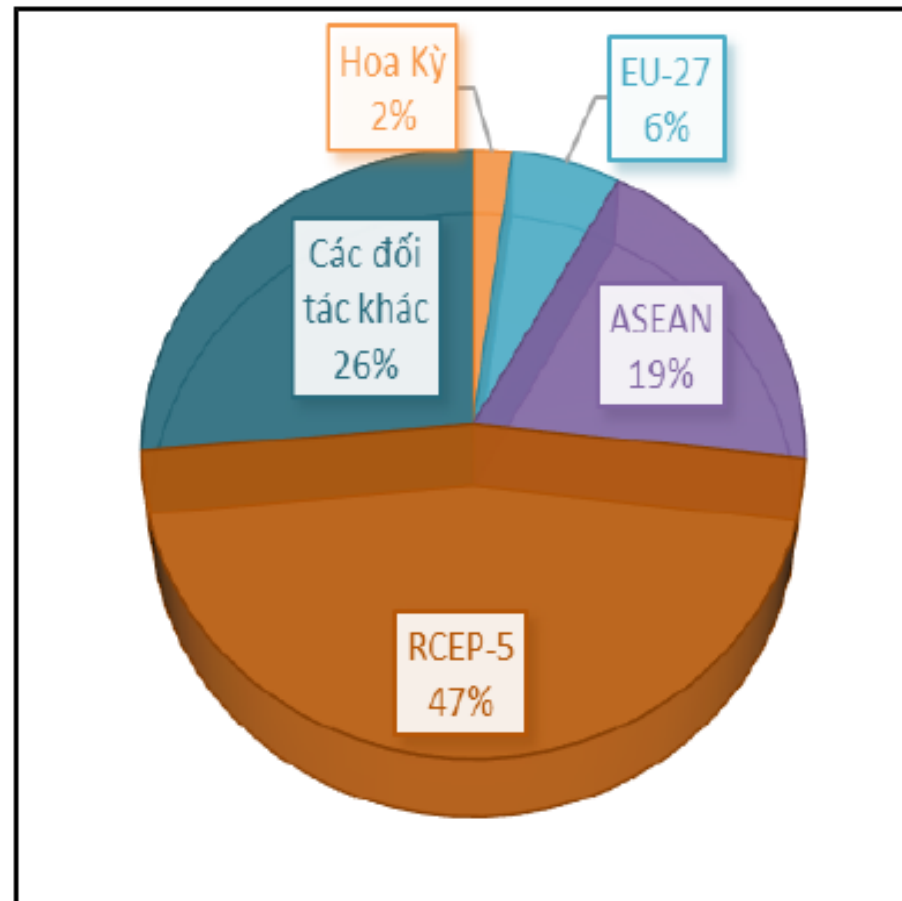
# 1. Tổng quan về RCEP

## 1.4 Vai trò của RCEP đối với nền kinh tế Việt Nam

➤ 6/10 đối tác đầu tư lớn nhất là ở khu vực RCEP (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, Malaysia và Thái Lan)

Cơ cấu vốn FDI đến 20/12/2020

Nguồn: Bộ Kế hoạch và đầu tư



## 2. Các cam kết trong RCEP

### 2.1 Cam kết cắt giảm thuế quan

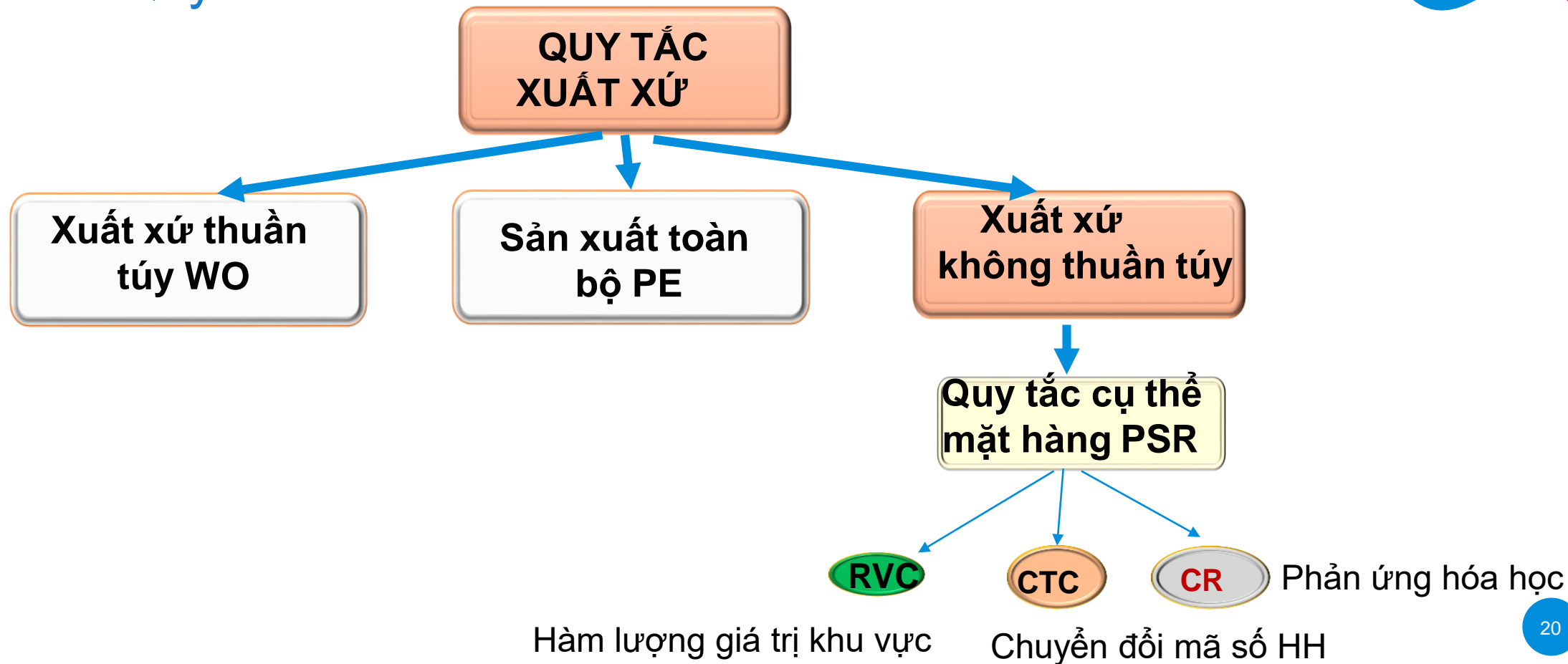
Việt Nam được các các nước đối tác chào tỷ lệ tự do hóa thuế quan cao hơn so với Việt Nam chào cho các nước đối tác tương ứng

	ASEAN	Trung Quốc	Nhật Bản	Hàn Quốc	Australia	New Zealand
VN cam kết	90,3%	85,6%	86,7%	86,7%	89,6%	89,6%
Các nước RCEP cam kết với Việt Nam	90,3%	90,7%	90,4%	90,7%	92%	91,4%

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Bộ Công thương (2020)


## 2. Các cam kết trong RCEP

### 2.2 Quy tắc xuất xứ



## 2.2 Quy tắc xuất xứ

### a) Xuất xứ thuần túy

STT	SẢN PHẨM	CÔNG ĐOẠN	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
1	Cây trồng/ SP cây trồng	Trồng / thu hoạch		
2	Động vật sống/ Sản phẩm	Sinh ra và nuôi dưỡng Thu được từ động vật sống tại nước TV		
3	Sản phẩm	Giết mổ động vật sống được sinh ra, nuôi dưỡng	Lãnh thổ của nước TV	
4	Sản phẩm	Có được		săn, bắt, bẫy
5	Khoáng sản	Sản phẩm được khai từ đất /nước/đáy biển/ lòng đất dưới đáy biển		
6	Nuôi trồng thủy sản	Sinh ra hoặc nuôi dưỡng	Lãnh thổ/ Lãnh hải của nước TV	từ trứng, cá bột, cá nhỏ, ấu trùng

## 2.2 Quy tắc xuất xứ

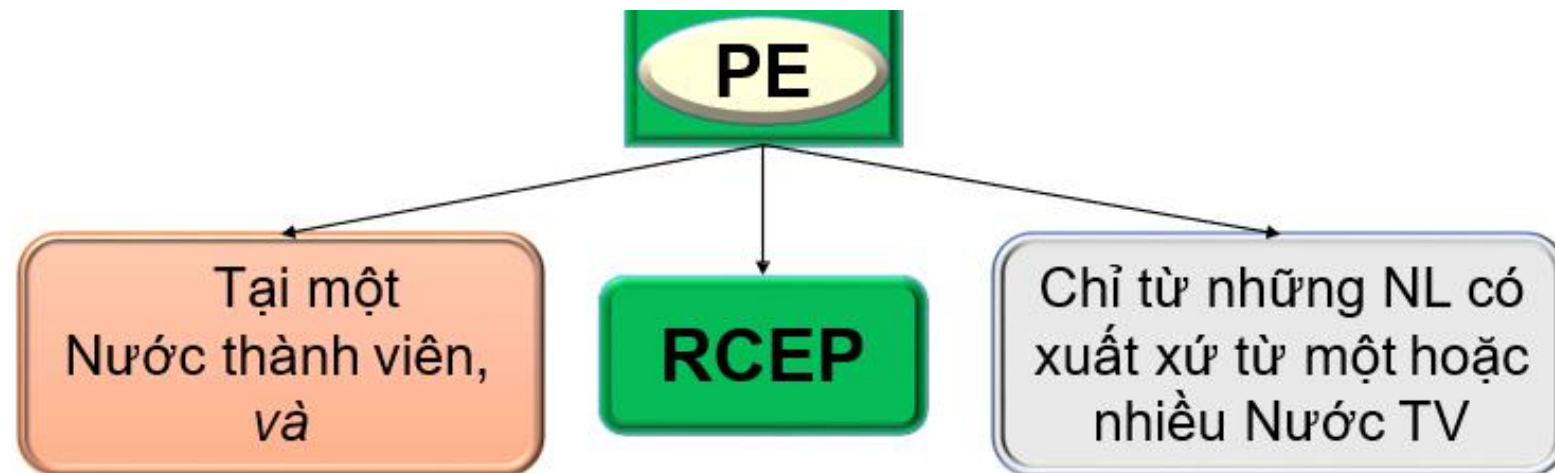
### a) Xuất xứ thuần túy

STT	SẢN PHẨM	CÔNG ĐOẠN	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
7	Sản phẩm từ biển	Đánh bắt Chế biến / sản xuất 	Trong/ Ngoài vùng lãnh hải/ Trên tàu 	Tàu đăng kí + treo cờ Quốc gia 
8	Hàng đã qua SD để tái chế nguyên liệu thô. Phế thải, phế liệu trong Qtrình SX, tiêu dùng;	Được thu nhặt tại nước TV	Lãnh thổ của nước TV	
9	Sản phẩm	Thu được/ sản xuất		Từ SP 1- 8



## 2.2 Quy tắc xuất xứ

b) Sản xuất toàn bộ:



## 2.2 Quy tắc xuất xứ

c) Xuất xứ không thuần túy:

✓ Công thức tính hàm lượng giá trị khu vực (RVC):

### Công thức gián tiếp

$$RVC = \frac{\text{Trị giá FOB} - \text{Trị giá NL không có xuất xứ (VNM)}}{\text{Trị giá FOB}} \times 100\%$$




### Công thức trực tiếp

$$RVC = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá} \\ \text{Ng.liệu} \\ \text{có xuất xứ} \\ \text{VOM} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{nhan công} \\ \text{trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{phân bổ} \\ \text{trực tiếp} \end{array}}{\text{Trị giá FOB}} \times 100\%$$

## 2.2 Quy tắc xuất xứ

c) Xuất xứ không thuần túy:

✓ Chuyển đổi mã số hàng hóa:

H.S Nguyên liệu HS 2012	Tiêu chí RCEP	H.S Sản phẩm
07.14.10: Sắn (khoai mì)	CC	11.08.14: Tinh bột sắn 
18.01.00 Hạt ca cao, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang	CTH	18.05.00 Bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác 
85.17.70 Bộ phận, linh kiện điện thoại	CTSH	8517.12 Điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác 

## 2.2 Quy tắc xuất xứ

### c) Xuất xứ không thuần túy:

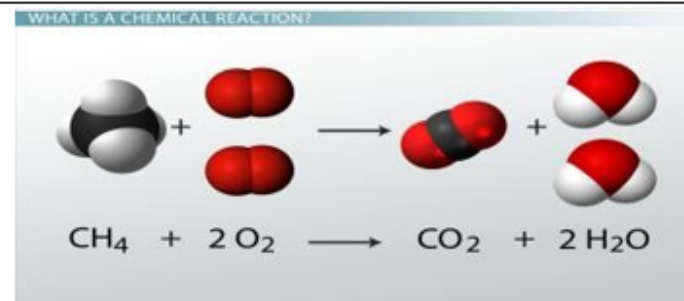
#### ✓ Quy tắc phản ứng hóa học:

Sản phẩm thu được từ một phản ứng hóa học, là hàng hóa có xuất xứ nếu phản ứng hóa học đó diễn ra tại lãnh thổ của một nước thành viên.

“Phản ứng hóa học” là một quá trình (bao gồm quá trình sinh hóa) dẫn tới việc sinh ra một phân tử có cấu trúc mới bằng việc phá vỡ các liên kết nội phân tử và tạo nên các liên kết nội phân tử mới, hoặc bằng việc thay đổi mạng không gian nguyên tử.

Trong các Chương 29 và 38, chỉ có **76 dòng** áp dụng:

$RVC40 = CTH = CR$  (Chemical Reaction)



## 2.2 Quy tắc xuất xứ

c) Xuất xứ không thuần túy:

✓ Quy tắc phản ứng hóa học: Các lưu ý

• Các công đoạn dưới đây không được coi là phản ứng hóa học:



a) Hòa tan vào nước hoặc các dung môi khác;

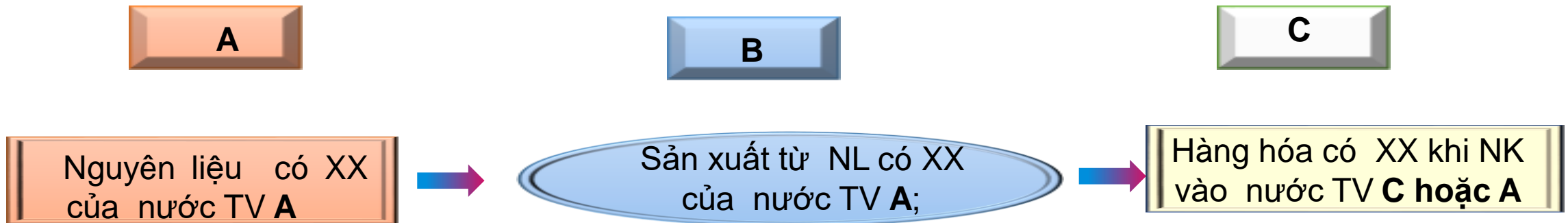
b) Khử các dung môi bao gồm cả việc khử nước; hoặc

c) Thêm nước vào hoặc loại bỏ nước ra khỏi các chất kết tinh.



## 2.2 Quy tắc xuất xứ

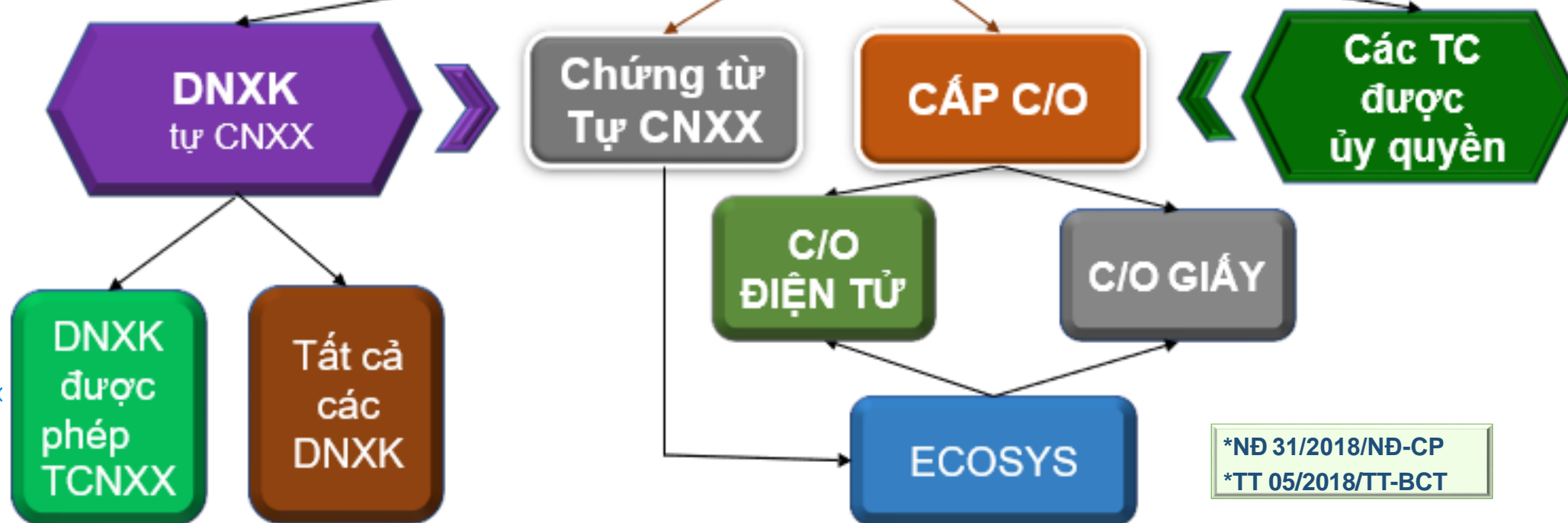
- Nguyên tắc cộng gộp trong RCEP:
  - ✓ Hàng hóa được coi là có xuất xứ tại nước thành viên xuất khẩu khi được sản xuất từ nguyên liệu có xuất xứ tại nước thành viên khác với điều kiện công đoạn gia công, chế biến được thực hiện tại nước thành viên xuất khẩu.



## 2.2 Quy tắc xuất xứ

- Thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ: Việt Nam cam kết áp dụng cơ chế tự CNXX trong vòng 10 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực.

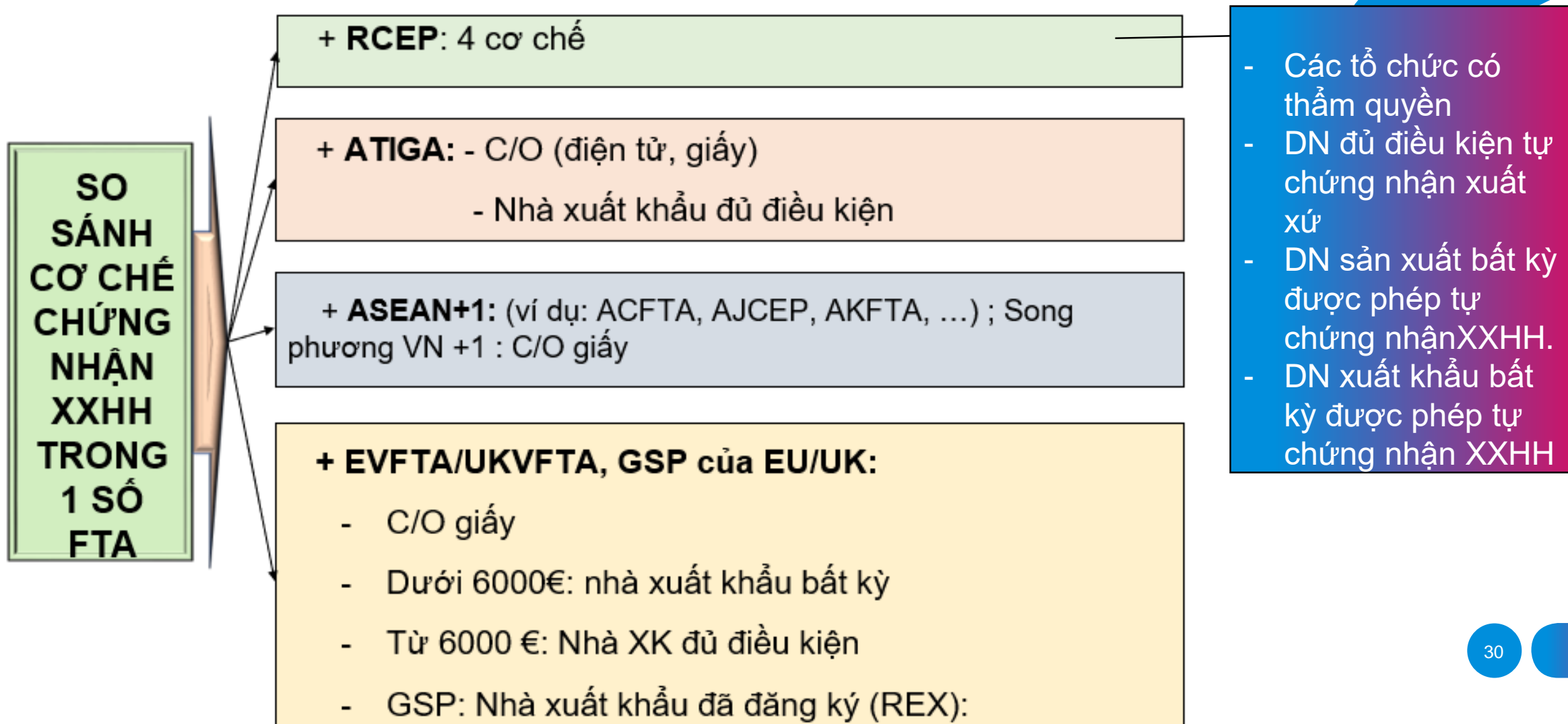
### CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HIỆN HÀNH



\*NĐ 31/2018/NĐ-CP  
\*TT 05/2018/TT-BCT



# So sánh cơ chế CNXX trong một số FTA



## 2.2 Quy tắc xuất xứ



- Ngưỡng miễn nộp C/O
  - + RCEP và các FTA Việt Nam/ ASEAN tham gia: 200\$
  - + VKFTA : 600\$
  - + CPTPP: 1,000\$

## 2. Các cam kết trong RCEP

### 2.3 Các cam kết mới so với các FTA khác:

- + Thương mại điện tử
- + Chính sách cạnh tranh
- + Mua sắm của Chính phủ



# Tóm tắt các cam kết nổi bật trong RCEP

- Tăng cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận các chuỗi giá trị khu vực
- Các rào cản phi thuế quan như thủ tục hải quan, kiểm dịch và tiêu chuẩn kỹ thuật được cải thiện thông qua việc thúc đẩy sự minh bạch và hợp tác hơn giữa các nước RCEP
- Cung cấp một nền tảng mạnh mẽ để mở rộng thương mại dịch vụ trong toàn khu vực: quy tắc chất lượng cao đối với việc cung cấp dịch vụ giữa các bên, ví dụ như dịch vụ tài chính, viễn thông...
- Hỗ trợ sự di chuyển của các doanh nhân trong khu vực: các doanh nhân sẽ được hưởng lợi từ các cam kết liên quan đến việc xử lý hồ sơ và nâng cao tính minh bạch của các yêu cầu đối với việc nhập cảnh và tạm trú tại các nước RCEP khi đi công tác
- Hỗ trợ việc công nhận các dịch vụ chuyên nghiệp tại các thị trường chính: cung cấp một khuôn khổ cho các cơ quan chuyên môn tham gia đối thoại về việc công nhận bằng cấp, giấy phép và đăng ký, và xây dựng các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong các ngành nghề mà hai bên cùng quan tâm.

# Tóm tắt các cam kết nổi bật trong RCEP

- RCEP sẽ cải thiện môi trường đầu tư trong toàn khu vực: cam kết không phân biệt đối xử đối, bảo lưu quyền của các bên trong những lĩnh vực nhạy cảm, bảo lưu quyền sàng lọc các khoản đầu tư vì lợi ích quốc gia, KHÔNG quy định về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước
- Các cam kết về thương mại điện tử: hỗ trợ các DN chuyển dữ liệu qua biên giới và giới hạn phạm vi bị hạn chế bởi các chính phủ, bao gồm các yêu cầu bản địa hóa (lưu trữ) dữ liệu; Các quy tắc thúc đẩy số hóa tài liệu thương mại và sử dụng chữ ký điện tử và xác thực điện tử; Các quy tắc bảo vệ người tiêu dùng và thông tin cá nhân.
- Thiết lập một bộ quy tắc chung về bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho khu vực RCEP
- Chương Mua sắm chính phủ của RCEP sẽ hỗ trợ cải thiện tính minh bạch và hợp tác giữa các bên : bao gồm các quy định về cạnh tranh và đảm bảo việc thực thi độc lập
- Hỗ trợ nâng cao năng lực kinh tế và khả năng của các DNNVV để hưởng lợi từ Hiệp định: cung cấp một khuôn khổ cho các chương trình và hoạt động có thể nâng cao khả năng tham gia và hưởng lợi của các DNNVV

### 3. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp

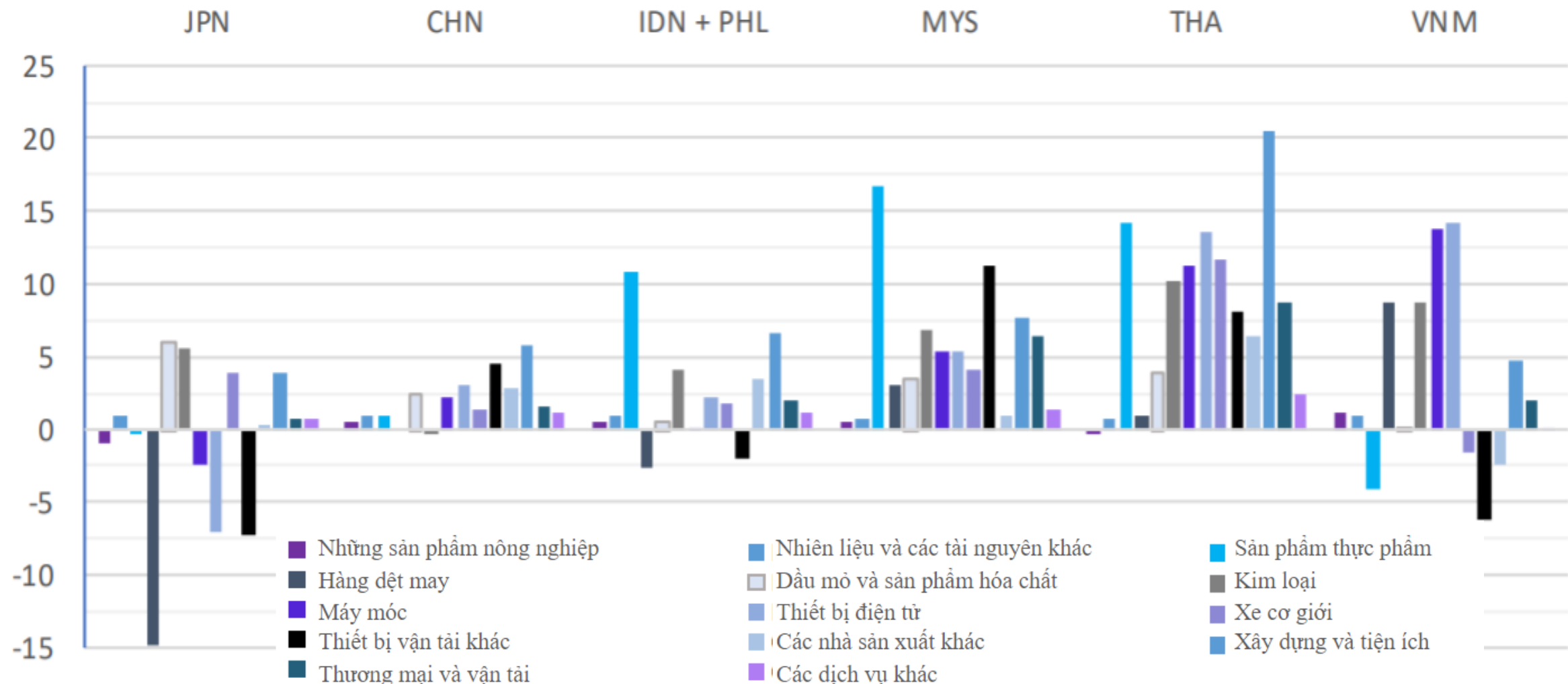
#### ➤ Cơ hội:

- ✓ Hưởng các ưu đãi cắt giảm thuế quan nhờ quy tắc xuất xứ nội khối
- ✓ Liên kết sản xuất với các quốc gia RCEP nhờ sự hài hòa và thống nhất về nguồn gốc hàng hóa
- ✓ Sự đơn giản hóa của quy tắc xuất xứ trong các quốc gia thành viên RCEP cho phép quản lý chuỗi cung ứng và giá trị khu vực dễ dàng hơn
- ✓ Thu hút đầu tư nước ngoài từ các nước thành viên RCEP và cả từ các quốc gia khác: đặc biệt là dòng đầu tư chuyển dịch theo xu hướng đa dạng hóa sản xuất trong bối cảnh COVID-19
- ✓ Tìm kiếm thị trường ngách ở các nước có cơ cấu sản phẩm khác biệt với Việt Nam

# Dự báo tác động điều chỉnh một số ngành

Tỉ lệ % thay đổi

Nguồn: : Itakura and Lee (2019)





### 3. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp

#### ➤ Thách thức:

- ✓ Sức ép cạnh tranh tại thị trường nội địa: đối tác RCEP có thêm một con đường ưu tiên để tiếp cận thị trường và người tiêu dùng Việt Nam
- ✓ Sức ép cạnh tranh tại thị trường quốc tế: đặc biệt là với các quốc gia có cơ cấu xuất khẩu tương đồng.
- ✓ Nguy cơ lệ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu của các nước RCEP
- ✓ Chưa khai thác hiệu quả các ưu đãi giảm thuế của FTA

# Tỷ lệ tận dụng C/O ưu đãi theo các hiệp định thương mại của Việt Nam qua các năm

Hiệp định	Kim ngạch XK sử dụng C/O ưu đãi (tỷ USD)			Tổng kim ngạch XK (tỷ USD)			Tỷ lệ tận dụng ưu đãi FTA (%)		
	2017	2018	2019	2017	2018	2019	2017	2018	2019
ASEAN (Mẫu D)	6,54	8,50	8,87	21,68	24,74	25,21	30	34	35,2
ACFTA (Mẫu E)	9,17	12,04	13,08	35,46	41,27	41,41	26	29	31,6
AKFTA (Mẫu AK) VKFTA (Mẫu VK)	7,62	6,36	9,82	14,82	18,20	19,72	51	35	AK: 24,22 VK: 25,65
AANZFTA (Mẫu AANZ)	1,23	1,51	1,54	3,76	4,47	4,04	33	34	38,16
AJCEP (Mẫu AJ) VJEPA (Mẫu VJ)	5,83	5,65	7,78	16,84	18,85	20,41	35	30	AJ: 30,27 VJ: 7,86
VCFTA (Mẫu VC)	0,69	0,52	0,64	0,999	0,78	0,94	69	67	67,72
AIFTA (Mẫu AI)	1,81	4,735	4,35	3,76	6,54	6,67	48	72	65,13
VN – EAEU FTA (Mẫu EAV)	0,48	0,68	0,83	2,17	2,45	2,67	22	28	31
Lào (Mẫu S)	0,05	0,06	0,07	0,52	0,60	0,7	10	10	9,59
Campuchia (Mẫu X)	0,0026	0,009	0,23	2,78	3,741	4,36	0	0,02	0,01
CPTPP (Mẫu CPTPP)			0,57			34,39			1,67

Nguồn: Trần Thị Hồng Minh và cộng sự (2021)

## 4. Khuyến nghị cho doanh nghiệp

- Không tách rời RCEP với các FTA khác trong chiến lược kinh doanh: đi từ thấp đến cao
- Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh (đặc biệt là khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, SPS khó khăn hơn):
  - *Xây dựng lộ trình cụ thể;*
  - *Theo dõi xu hướng về các biện pháp phi thuế quan ở các thị trường RCEP;*
- Thay đổi tư duy trong bối cảnh mới: lấy sức ép về cạnh tranh là động lực để đổi mới và phát triển
  - *Đổi mới chưa chắc đã cạnh tranh hơn, NHƯNG ngừng đổi mới là thất bại*
- Chú trọng đăng ký SHTT nếu có sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, v.v
- Thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn và chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn nước ngoài



XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!